

Số: 483 /QB-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu dân cư theo quy hoạch diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người” tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu dân cư theo quy hoạch diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người” tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land tại Biên bản họp chính thức Hội đồng thẩm định ngày 13 tháng 01 năm 2022;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu dân cư theo quy hoạch diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người” tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã được Công ty Cổ phần



Đầu tư Bất động sản STC Golden Land chỉnh sửa tại Văn bản số 21/CV-CT tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 94/TTr-STNMT ngày 15 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu dân cư theo quy hoạch diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người” tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Đầu tư Bất động sản STC Golden Land;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông Vận tải;
- UBND huyện Long Thành;
- UBND xã Lộc An;
- UBND xã Bình Sơn;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QDDTM.KhudancutaixãLộcAn&BìnhSơn-CtySTCGoldenLand



Võ Văn Phi



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Khu dân cư theo quy hoạch diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người” tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land”

(Kèm theo Quyết định số 483 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên dự án: Khu dân cư theo quy hoạch diện tích 23,4 ha, quy mô dân số 4.332 người.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản STC Golden Land.

1.3. Vị trí dự án: Xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.4. Địa chỉ văn phòng liên hệ: Lô NT1, Đường Trung Yên 6, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

1.5. Tổng diện tích đất: 23,4 ha (234.042,5 m²).

1.6. Quy mô dân số: Khoảng 4.332 người (1.083 lô).

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án gồm:

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật (san nền, giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, cây xanh), xây dựng nhà thô/nhà hoàn thiện và các công trình dịch vụ gồm trung tâm thương mại, y tế, trường học.

- Khu đất ở có diện tích 118.179,2 m² (1.083 lô) trong đó bố trí nhà liên kế có diện tích 29.606,3 m² (263 lô), nhà vườn có diện tích 83.579,7 m² (789 lô), nhà biệt thự song lập có diện tích 4.993,2 m² (31 lô); khu đất công trình công cộng có diện tích 11.705,1 m² (bao gồm: khu đất giáo dục với tổng diện tích 8.814,7 m²; khu đất y tế có diện tích 1.128,5 m²; khu đất hành chính văn hóa có diện tích 1.761,9 m²); khu đất công trình dịch vụ có diện tích 6.805,1 m² và các hạng mục công trình khác theo đăng ký tại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong đó, đất công cộng, đất cây xanh, thể dục thể thao, đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật sẽ được bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng theo Quyết định số 4621/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh.

- Công trình bảo vệ môi trường gồm:

+ Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 860 m³/ngày.đêm.

+ Xây dựng 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000m³/h.

+ Bố trí các thùng lưu giữ chất thải sinh hoạt ở mỗi khu nhà dân, ở dọc khu vực đường nội bộ, ở khu vực công viên...

+ Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại với diện tích 15 m² và 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 20 m² gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Hệ thống thoát nước mưa nội bộ riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: Bụi từ hoạt động phát quang; bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, máy móc thi công; bụi và khí thải từ quá trình đào, đắp, thi công; bụi từ quá trình tập kết nguyên nhiên vật liệu; tiếng ồn; rung; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ quá trình phát quang, chất thải rắn xây dựng; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng (từ vệ sinh phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng).

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại: Nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân, khu thương mại dịch vụ, trường học, hành chính, văn hóa, y tế, ... và từ hoạt động quản lý vận hành dự án; khí thải từ giao thông, nấu ăn; bùn từ các bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ công nhân thi công trên công trường, khoảng 2,25 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: BOD₅, COD, TSS, TDS, Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms, dầu mỡ...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh xe ra vào công trường khoảng 02 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ khoáng.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm (đạt 30%): Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 212 m³/ngày từ các hộ dân trong khu nhà ở, khu thương mại dịch vụ. Thành phần ô nhiễm chính: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat và Tổng Coliforms.

c) Trong giai đoạn vận hành thương mại: Tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 706,6 m³/ngày từ khu nhà ở, khu thương mại dịch vụ, trường học... Thành phần ô nhiễm chính: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat và Tổng Coliforms.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị thi công, xây dựng: bụi từ hoạt động phát quang; bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, máy móc thi công; bụi và khí thải từ quá trình đào, đắp, thi công; bụi từ quá trình tập kết nguyên nhiên vật liệu.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại: khí thải từ giao thông, nấu ăn, mùi hôi từ khu xử lý nước thải và khu lưu giữ chất thải rắn, hệ thống tiêu thoát nước, bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt khoảng 30,5 kg/ngày, chất thải rắn xây dựng gồm xà bần, bao bì chứa vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, đất đá, xi măng... 307,425 tấn/tháng; đất dư thừa 146.769,16 m³; chất thải rắn từ quá trình phát quang, bóc bỏ đất hữu cơ 450,2 tấn.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: chất thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân khoảng 798,25 kg/ngày, chất thải rắn sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ khoảng 33,7 kg/ngày, bùn từ bể tự hoại 42,5 kg/ngày, bùn từ hệ thống xử lý nước thải 18,8 kg/ngày...

c) Trong giai đoạn vận hành thương mại: Chất thải sinh hoạt từ khu nhà ở, trường học, hành chính, y tế... khoảng 2.660,82 kg/ngày, chất thải rắn sinh hoạt từ khu trung tâm thương mại khoảng 112,2kg/ngày, bùn từ bể tự hoại 141,8 kg/ngày, bùn từ hệ thống xử lý nước thải 62,8 kg/ngày...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng gồm: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, thùng chứa dầu, thùng chứa sơn, bao bì đựng hoá chất, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy chì thải với khối lượng khoảng 95 kg/năm.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: Khối lượng phát sinh khoảng 448,4 kg/06 tháng.

c) Trong giai đoạn vận hành thương mại: Chất thải nguy hại (gồm bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, giẻ lau dính dầu, dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì bảo dưỡng, hộp mực in thải, thùng đựng dầu nhớt, bình xịt côn trùng, thiết bị, linh kiện điện tử thải, bao bì phân bón...) với khối lượng khoảng 2.989,3 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của các tác động khác: Tác động do tiếng ồn và độ rung từ quá trình thi công xây dựng, nguy cơ sụt lún, sạt lở đất, ngập úng khu vực từ quá trình triển khai thực hiện dự án, tác động đến an ninh trật tự và an toàn giao thông đối với khu vực dự án.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng:

- Bố trí 03 nhà vệ sinh lưu động trên công trường và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

- Nước thải xây dựng (từ vệ sinh phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng ra vào công trường) được dẫn vào hồ lắng, nước sau thời gian lắng được tận dụng để tưới sân giảm bụi trên công trường.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và thương mại: Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 860 m³/ngày.đêm, quy trình xử lý như sau:

Nước thải → song chắn rác → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể MBBR → bể lắng → thiết bị lọc áp lực → bể khử trùng → hố ga đầu nối đường ĐT769 → suối Ông Trữ → suối Bung Môn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát

sinh của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0 và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng:

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công đều phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; dọn dẹp đất đá, vật liệu rơi vãi, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào tập kết vật liệu thi công phù hợp; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm mật độ lưu thông cao.

- Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; bố trí thời gian thi công phù hợp, tưới nước giảm bụi; che chắn khu vực thi công, trang bị bảo hộ lao động.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc tập kết vật tư vào cùng một thời điểm, xây dựng lưới bao quanh công trình, tiến hành phun nước đường vận chuyển và các khu vực chế biến vật liệu xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Bố trí 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.000 m³/h, quy trình như sau: khí (mùi) từ các bể → ống thu gom → tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → ống thoát khí.

- Bố trí hợp lý cây xanh trong các phân khu; phân luồng giao thông nội bộ hợp lý; quy định tốc độ xe chạy; quét dọn và tưới đường thường xuyên.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: Toàn bộ chất thải sinh hoạt tại công trường sẽ được thu gom lưu chứa vào thùng chứa có nắp đậy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; Thực hiện quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu nhà ở, dọc đường nội bộ dự án, ở khu vực công viên...sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý

- Tại các khu vực thương mại dịch vụ, hành chính, trạm y tế, trường học...chủ dự án thứ cấp bố trí khu vực để lưu giữ chất thải sinh hoạt tạm thời, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại với diện tích 15 m² gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đối với chất thải rắn xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đối với các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật có liên quan. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công: Chất thải nguy hại được phân thành từng loại riêng, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường; bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại: Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20 m² (gần vị trí hệ thống xử lý nước thải) và bố trí thiết bị chuyên dụng để lưu chứa từng loại chất thải riêng biệt, thực hiện dán nhãn và mã chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật có liên quan. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a) Trong giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có mức âm và độ rung thấp, bố trí thời gian thi công hợp lý.

- Phòng ngừa sự cố ngập úng, sụt lún trong quá trình thi công; xây dựng rãnh thoát nước mưa tạm thời, thi công đúng kỹ thuật nhất là đối với các công trình ngầm, khu vực có nền đất yếu.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt, khơi thông thường xuyên tuyến thoát nước, tránh gây ngập úng cục bộ.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Các thiết bị, máy móc trạm xử lý nước thải được bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ.

- Thực hiện trồng cây xanh đảm bảo theo đúng diện tích quy hoạch.

- Đầu nổi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa riêng biệt, đảm bảo các yêu cầu, quy hoạch về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

+ Tách riêng triệt để hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải trong phạm vi dự án; vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án, tránh gây ngập úng cục bộ. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại, lưu chứa chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại) theo đúng quy định, trước khi chuyển giao cho các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Hệ thống thoát nước mưa nội bộ riêng biệt với hệ thống thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải công suất 860 m³/ngày.đêm; hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.000m³/h.

- Bố trí các thùng chứa phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại với diện tích 15 m² và 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 20 m² gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Diện tích cây xanh đảm bảo tỷ lệ quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

a) Giám sát bụi, tiếng ồn đảm bảo yêu cầu về môi trường lao động theo quy định.

b) Giám sát nước thải xây dựng:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại 02 hố lắng thu gom nước thải từ quá trình thi công. Tọa độ: hố lắng 1 (X = 1193870m; Y = 418900m) và hố lắng 2 (X = 1194071m; Y = 418702m)

- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Cl⁻, dầu mỡ khoáng, Nito tổng, Photpho tổng, Coliforms.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

c) Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải tạm thời

- Tần suất: Hàng ngày.

- Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng chất thải thông thường, khối lượng chất thải nguy hại.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật.

d) Giám sát sụt lún, sạt lở công trình:

- Vị trí giám sát: Khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Giám sát sụt lún các công trình trong khu vực dự án.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: Các công trình xử lý chất thải phải đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải, việc quan trắc chất thải của công trình xử lý thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật.

5.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí: 02 vị trí, gồm:

+ 01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X = 1194000m; Y = 418850m.

+ 01 vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (tại vị trí điểm đầu nối của dự án ra đường ĐT769). Tọa độ X = 1193871m; Y = 418902m.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Amoni (tính theo N), Sunfua (tính theo H₂S), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Giám sát khí thải:

- Vị trí: ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại trạm xử lý nước thải.
- Tọa độ: X = 1193975m; Y = 418829m.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: NH₃, H₂S.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

c) Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực lưu chứa chất thải.
- Tọa độ: X = 1194015m; Y = 418847m.
- Tần suất: Hàng ngày
- Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng, chủng loại, chứng từ chuyên giao.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật.

d) Giám sát sụt lún, sạt lở, ngập úng tại các khu vực trong phạm vi dự án tần suất hàng ngày theo đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Phải có biện pháp đảm bảo kiểm soát, quản lý phát thải bụi, khí thải, nhiệt, tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
 - + Trường hợp mang lượng đất dôi dư từ quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng ra khỏi dự án, yêu cầu tuân thủ các quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan.
 - + Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải khác đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Trong giai đoạn vận hành Dự án:
 - + Hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng theo quy định.
 - + Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy

hoạch chi tiết của Dự án, nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu đối với dự án.

+ Theo dõi thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện các hiện tượng sụp lún, sạt lở dẫn đến sự cố về môi trường, tai nạn lao động,...; lập kế hoạch và dự phòng các phương án cần thiết để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường; Thực hiện quản lý, kiểm soát lưu lượng nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải, quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật theo quy định.

+ Có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

+ Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới, đồng thời có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

7. Các yêu cầu khác:

- Thực hiện đầy đủ các cam kết của chủ dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường: Liên hệ với các đơn vị có liên quan để thực hiện đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào tuyến đường ĐT.769; tính toán, thiết kế, cải tạo hệ thống thoát nước hiện hữu trên đường ĐT769 đoạn từ khu dự án ra đến suối Ông Trữ đảm bảo vệ sinh môi trường, tiêu thoát nước để tránh tình trạng ngập úng cục bộ; khẩn trương phối hợp với đơn vị cấp nước để hoàn thành đấu nối với tuyến ống cấp nước vào dự án để phục vụ cho khu dân cư; báo cáo cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc khai thác, trám lấp giếng trong phạm vi dự án theo quy định.

- Đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự xã hội và môi trường dân sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện sau khi hoàn thành các thủ tục xây dựng, tài nguyên nước, đấu nối hạ tầng kỹ thuật và các quy định khác có liên quan./.